TOÀ ÁN ND HUYỆN NGA SƠN **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 24-9-2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Mai Nam Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Đăng Ninh, bà Mai Thị Bình.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 147/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2020 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thu U, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn 8, xã V, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Mai Văn C, sinh năm 1992; địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 7 năm 2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Lê Thu U trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Mai Văn C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, theo giấy chứng nhận kết hôn số 11, ngày 01/3/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, trái ngược nhau, trong cuộc sống thường xảy ra xung đột, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Do mâu thuẫn trầm trọng nên đến ngày 01/7/2020 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay, không còn

quan tâm gì tới nhau nữa. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Mai Gia H sinh ngày 29/10/2019. Chị đề nghị được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản: Chị U không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 06/7/2020, bị đơn Mai Văn C trình bày:

Về hôn nhân: Vợ chồng anh kết hôn vào ngày 01/3/2019 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì lớn xảy ra. Ngày 01/7/2020 gia đình anh không đánh đuổi nhưng chị U tự ý mang con bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Nay chị U yêu cầu ly hôn, anh xét thấy con đang còn nhỏ, anh thương con, muốn con có cả bố lẫn mẹ nên anh không đồng ý ly hôn với chị U.

Về con: Vợ chồng có một con chung là Mai Gia H, sinh ngày 29/10/2019. Nếu ly hôn anh đồng ý để cho chị U trực tiếp nuôi con, anh sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh C vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa lần thứ nhất anh C vắng mặt nên Hội đồng xét xử (HĐXX) đã ra quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, anh C vẫn vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên HĐXX quyết định xét xử vắng mặt anh C.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS); việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, còn bị đơn chấp hành chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật. Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thu U, cho chị U được ly hôn anh C; về con giao cháu Mai Gia H cho chị U trực tiếp nuôi dưỡng, anh C cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng; về án phí chị U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) về việc ly hôn, anh C phải chịu án phí DSST về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Lê Thu U có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Mai Văn C. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, anh Mai Văn C vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh C.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thu U và anh Mai Văn C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị U trình bày là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, trái ngược nhau, trong cuộc sống thường xảy ra xung đột, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, còn theo anh C trình bày thì vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Qua xác minh tại địa phương, bà Mai Thị Ngọc A, trưởng thôn Đ, xã T có ý kiến: mâu thuẫn giữa vợ chồng anh C chị U bà nghe thông tin từ lâu, vợ chồng có va chạm, cãi vả. Nguyên nhân có thể là do vợ chồng còn quá trẻ, chưa tìm hiểu kỹ trước khi kết hôn, về chung sống tính tình không hợp nên có nhiều mâu thuẫn, bất đồng xảy ra. Hiện tại chị U đã đưa con về bên ngoại sinh sống. Anh C yêu cầu được đoàn tụ chỉ vì lý do con còn nhỏ là chưa đủ cơ sở pháp lý để chấp nhận. Do đó HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của chị U, cho chị U được ly hôn anh C là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Mai Gia H sinh ngày 29/10/2019. Do cháu H còn nhỏ tuổi nên HĐXX thấy cần giao cháu H cho chị U trực tiếp nuôi dưỡng, anh C cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng theo yêu cầu của chị U là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản: Hai bên đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[5] Về án phí: Chị Lê Thu U phải chịu án phí DSST về việc ly hôn, anh Mai Văn C phải chịu án phí DSST về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thu U, cho chị U được ly hôn anh Mai Văn C.

2. Về con: Giao cháu Mai Gia H sinh ngày 29/10/2019 cho chị Lê Thu U trực tiếp nuôi dưỡng, anh Mai Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 09/2020 cho đến khi cháu H đủ 18 (mười tám) tuổi. Anh C có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án và Cơ quan thi hành án đã ra quyết định thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành án thì còn phải chịu tiền lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Chị Lê Thu U phải chịu án phí DSST về việc ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số AA/2019/0010809 ngày 02/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nga Sơn, chị U đã nộp đủ án phí DSST.

Anh Mai Văn C phải chịu án phí DSST về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thu U có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Mai Văn C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Nga Sơn;
- UBND xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Nam Tiến